

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
NINH THUẬN**

Số: 293/CNNT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**
2. Mã chứng khoán: NNT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 14 Tô Hiệu, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.

4. Điện thoại: 0944.851.719

Fax: 0259.3820350

5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Hữu Hùng**

6. Nội dung thông tin công bố:

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TC-HC.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Nguyễn Hữu Hùng



Đinh Ân

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 4 năm 2022

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Tên Công ty: Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Giấy CNĐKDN số: 4500289362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp thay đổi lần thứ tư ngày 13/6/2018.

Trụ sở chính: số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Chương trình và nội dung đại hội: Theo chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (đính kèm Biên bản này).

Chủ tọa đại hội: Ông Phạm Hữu Sơn – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Thư ký đại hội: Ông Nguyễn Hữu Hùng, bà Đặng Thị Cúc.

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường Long Thuận Resort – Số 01 Yên Ninh, Bãi biển Bình Sơn – Ninh Chữ, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2022 Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được tiến hành với nội dung chi tiết như sau:

1. Khai mạc cuộc họp

1. Khai mạc cuộc họp

Ông Nguyễn Hữu Hùng điều khiển.

1.1. Phần nghi thức khai mạc gồm có: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu

Thành phần tham dự bao gồm:

- Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận;
- Các cổ đông và đại diện cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.
- Giới thiệu nhân sự làm thành viên Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, bao gồm:

Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội (gồm 05 người):

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. Bà Bá Bạch Thủy Tiên | – Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng ban; |
| 2. Bà Đinh Lê Ngọc Trâm | – Thành viên Ban kiểm soát, Thành viên; |
| 3. Bà Ngô Huỳnh Kim Thoa | – Phòng Tổ chức Hành chính, Thành viên; |
| 4. Bà Phạm Ngọc Minh Chi | – Phòng Tổ chức – Hành chính, Thành viên; |
| 5. Bà Nguyễn Thị Thu Hương | – Phòng Tổ chức – Hành chính, Thành viên. |

1.2. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2022 Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Bà Bá Bạch Thủy Tiên – Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự tính tới thời điểm 08 giờ 20 phút ngày 27/4/2022 là 44 cổ đông, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là 9.207.241 cổ phần, chiếm 97,01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của pháp luật.

1.3. Thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội:

Ông Nguyễn Hữu Hùng trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

1.4. Thông qua số lượng và danh sách nhân sự Chủ tọa đoàn

Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách Chủ tọa đoàn với số phiếu chấp thuận là 100%, cụ thể như sau:

Đoàn chủ tịch (gồm 05 người):

1. Ông Phạm Hữu Sơn – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận – Chủ tọa;
2. Ông Đinh Ân – Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận – Thành viên.
3. Ông Đinh Viết Sơn – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận – Thành viên.
4. Ông Nguyễn Quốc Quyền – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận – Thành viên.
5. Ông Võ Ngọc Thoại – Thành viên HĐQT – Thành viên;

1.5. Thông qua danh sách nhân sự Đoàn Thư ký và Ban kiểm phiếu

Ông Nguyễn Hữu Hùng điều khiển Đại hội thông qua số lượng và danh sách Đoàn Thư ký, Ban kiểm phiếu với số phiếu chấp thuận là 100%, cụ thể như sau:

▪ Đoàn Thư ký (gồm 02 người):

1. Ông Nguyễn Hữu Hùng – Trưởng ban
2. Bà Đặng Thị Cúc – Thành viên

▪ Ban Kiểm phiếu (gồm 05 người):

1. Ông Hồng Hào Quốc – Trưởng ban
2. Ông Phạm Như An – Thành viên

3. Ông Trần Đặng Hoàng Long – Thành viên
4. Ông Nguyễn Tấn Kha – Thành viên
5. Ông Nguyễn Anh Thi – Thành viên

2. Nội dung Đại hội

2.1. Thông qua Chương trình Đại hội

Ông Phạm Hữu Sơn trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Chương trình Đại hội. Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội.

2.2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022

Ông Phạm Hữu Sơn trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.

2.3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 nhiệm kỳ III (2019-2024)

Bà Bá Bạch Thủy Tiên - Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 nhiệm kỳ III (2019-2024)

2.4. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Ông Đinh Viết Sơn trình bày Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Một số chỉ tiêu hoạt động chính trong năm 2021:

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2021/kế hoạch 2021
1	Nước ghi thu	m ³	21.306.291	21.150.298	99,27 %
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	193.126	197.434	102,23 %
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	45.877	57.909	126,23 %
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	40.160	50.369	125,42 %
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	189.955	212.396	111,81 %

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2021/kế hoạch 2021
6	Tổng Tài sản	Triệu đồng		372.615	
7	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%		23,71	
8	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%		13,52	

Nhiệm vụ kế hoạch năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022
1	Nước ghi thu	m ³	21.200.000
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	191.263
	- Nước ghi thu	Triệu đồng	179.728
	- Lắp đặt	Triệu đồng	5.200
	- Tài chính + khác	Triệu đồng	6.335
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	48.058
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	42.196
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	223.499

2.5. Tờ trình Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021.

Bà Nguyễn Thu Hòa lần lượt trình bày Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021.

Một số nội dung trong phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:



2.6. Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022

Bà Nguyễn Thu Hòa trình bày Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022.

2.7. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Bà Bá Bạch Thủy Tiên trình bày Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, cụ thể: ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện về các tiêu chí theo quy định của pháp luật và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

2.8. Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Ông Nguyễn Quốc Quyền trình bày Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

2.9. Tờ trình kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2022

Ông Đinh Viết Sơn trình bày Tờ trình Kế hoạch mua sắm và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022.

2.10. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty

Ông Phạm Hữu Sơn trình bày Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty.

2.11. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Ông Phạm Hữu Sơn trình bày Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2.12. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Ông Phạm Hữu Sơn trình bày Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2.13. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Bà Bá Bạch Thủy Tiên trình bày Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2.14. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ (2019-2024)

Ông Phạm Hữu Sơn trình bày Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ (2019-2024).

2.15. Đại hội thảo luận và biểu quyết

Ý kiến Cổ đông:

Tôi xin đại diện cho cổ đông Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải. Tôi xin được có ý kiến về vấn đề sau:

Về doanh thu, lợi nhuận và các khoản trích có liên quan đề nghị Công ty lưu ý văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Ninh Thuận tại Công văn số 1407/UBND-KTTH ngày 05/4/2022 về việc có ý kiến về hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Trả lời của Chủ tọa đoàn – ông Phạm Hữu Sơn:

Cảm ơn đại diện cổ đông Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh số liệu có liên quan khi có quyết định chính thức của Tòa và văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Ninh Thuận

2.16. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2022 Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận trước khi tiến hành biểu quyết

Bà Bá Bạch Thủy Tiên – Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự tính tới thời điểm 10 giờ 30 phút ngày 27/4/2022 là 52 cổ đông, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là 9.227.491 cổ phần, chiếm 97,225% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.17. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng thẻ biểu quyết

2.18. Nghi giải lao

2.19. Công bố kết quả biểu quyết bằng thẻ biểu quyết:

Ông Hồng Hào Quốc – Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết:

Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %

Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %
--------------	-----------	---------

Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 nhiệm kỳ III (2019-2024)

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

Thông qua Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022.

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

Thông qua Tờ trình Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2022

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

Thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %

14/10/2024

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

Thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ

- Tổng số phiếu hợp lệ: 9.207.050 cổ phần, tương đương tỷ lệ 100,00 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 cổ phần, tương đương tỷ lệ 0,000 % tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.207.050 cổ phần	100,000 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0,000 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0,000 %

2.20. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Ông Nguyễn Hữu Hùng thay mặt Đoàn thư ký trình bày Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội.

Ông Phạm Hữu Sơn điều khiển Đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua nội dung Biên bản Đại hội.

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua nội dung Nghị quyết Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày.

TM. ĐOÀN THƯ KÝ



Nguyễn Hữu Hùng

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỌA



Phạm Hữu Sơn



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận ngày 27/4/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 (tài liệu đính kèm).

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 nhiệm kỳ III (2019-2024) (tài liệu đính kèm).

Điều 3. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (tài liệu đính kèm), với một số chỉ tiêu hoạt động chính như sau:

Một số chỉ tiêu hoạt động chính trong năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2021/kế hoạch 2021
1	Nước ghi thu	m ³	21.306.291	21.150.298	99,27 %
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	193.126	197.434	102,23 %
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	45.877	57.909	126,23 %
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	40.160	50.369	125,42 %
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	189.955	212.396	111,81 %
6	Tổng Tài sản	Triệu đồng		372.615	



TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2021/kế hoạch 2021
7	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%		23,71	
8	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%		13,52	

Nhiệm vụ kế hoạch năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022
1	Nước ghi thu	m ³	21.200.000
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	191.263
	- Nước ghi thu	Triệu đồng	179.728
	- Lắp đặt	Triệu đồng	5.200
	- Tài chính + khác	Triệu đồng	6.335
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	48.058
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	42.196
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	223.499

Điều 4. Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán (tài liệu đính kèm).

Điều 5. Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 (tài liệu đính kèm).

1. Phân phối lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	20.096.356.288	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	50.369.207.248	b

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	70.465.563.536	$c = (a+b)$
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2021:	20.946.778.292	$d = e+f+g$
	+ Quỹ đầu tư phát triển (25% LNST)	12.592.301.812	$e = (b * 25\%)$
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. <i>Trong đó:</i>	8.077.788.845	f
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	5.577.788.845	
	<i>Quỹ phúc lợi</i>	2.500.000.000	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	276.687.635	g
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	49.518.785.244	$h = c - d$
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 25% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	23.727.102.500	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	2.500	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2022	25.791.682.744	$j = h - i$

2. Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 18/5/2022.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 20/6/2022.

Điều 6. Thông qua Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 (tài liệu đính kèm)

Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021:

Hội đồng quản trị:

- + Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:



01 người, mức chi là: 426.686.784 đồng
 + Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:
 04 người, mức chi là: 281.630.400 đồng
Tổng cộng: 708.317.184 đồng

Bằng chữ: Bảy trăm lẻ tám triệu, ba trăm mười bảy nghìn, một trăm tám mươi bốn đồng.

Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:
 01 người, mức chi là: 359.083.956 đồng
 + Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:
 02 người, mức chi là: 112.653.600 đồng
Tổng cộng: 471.737.556 đồng

Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng.

Thư ký công ty:

01 người, mức chi là: 70.407.600 đồng
 Bằng chữ: Bảy mươi triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm đồng.

* Tổng cộng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.250.462.340 đồng**

Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm năm mươi triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi đồng.

Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022:

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022, cụ thể:

Hội đồng quản trị:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:
 01 người, mức chi là: 382.055.352 đồng
 + Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:
 04 người, mức chi là: 252.172.800 đồng
Tổng cộng: 634.228.152 đồng

Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, một trăm năm mươi hai đồng.

Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 321.523.776 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 100.869.600 đồng

Tổng cộng: 422.393.376 đồng

Bằng chữ: *Bốn trăm hai mươi hai triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng.*

Thư ký:

+ Thù lao Thư ký Công ty:

01 người, mức chi là: 63.043.200 đồng

Bằng chữ: *Sáu mươi ba triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm đồng.*

* Tổng cộng tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.119.664.728 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, một trăm mười chín triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm hai mươi tám đồng.*

Điều 7. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 (tài liệu đính kèm).

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện về các tiêu chí theo quy định của pháp luật và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Điều 8. Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 (tài liệu đính kèm).

Điều 9. Thông qua Tờ trình Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2022 (tài liệu đính kèm).

Điều 10. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty (tài liệu đính kèm).

Điều 11. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (tài liệu đính kèm).

Điều 12. Thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (tài liệu đính kèm).

Điều 13. Thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (tài liệu đính kèm).

Điều 14. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ (2019-2024) (tài liệu đính kèm).

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Các TV HĐQT, Ban GD, BKS;
- CBTT Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Phạm Hữu Sơn

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT), Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tôi xin trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm qua và phương hướng hoạt động năm 2022 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Tình hình thực hiện Nghị Quyết Đại hội cổ đông năm 2021

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Nước ghi thu	m ³	21.306.291	21.150.952	99,27%
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	193,126	197,434	102,23%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	45,877	57,9	126,23%
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	40,16	50,37	125%

Tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã giao các chỉ tiêu cho HĐQT trong năm 2021 & kết quả thực hiện như sau:

- Về doanh thu:

Kế hoạch năm 2021 là 193,1 tỷ, Kết quả thực hiện 197,4 tỷ, đạt 102% so với kế hoạch năm và tăng trưởng 2% so với thực hiện năm 2020.

Sản lượng nước ghi thu:

Kế hoạch năm 2021 là 21,3 triệu m³; thực hiện đạt 21,1 triệu m³, đạt 99,27% so với kế hoạch năm.

Tỷ lệ chi cổ tức là 25% bằng tỷ lệ chia cổ tức năm 2021.

- Về lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế: Kế hoạch năm 2021 là 45,8 tỷ, thực hiện đạt 57,9 tỷ, tăng 26% so với kế hoạch năm.



Lợi nhuận sau thuế: Kế hoạch năm 2021 là 40,1 tỷ, thực hiện đạt 50,3 tỷ, tăng 25% so với kế hoạch năm.

1.2 Phân phối lợi nhuận năm 2021

- Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối: 70.465.563.536 đồng (trong đó Lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 50.369.207.248 đồng và lợi nhuận từ năm 2020 chuyển sang 20.096.356.288 đồng)

- Trích lập các quỹ : 20,946.778.292 đồng: trong đó:

+ Quỹ đầu tư phát triển: 12,592.301.8126 tỷ đồng. (25% LNST)

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 8.077.788.845 tỷ đồng

- Chi trả cổ tức (25%) : 23.727.102.500 đồng

- Lợi nhuận để lại chuyển sang năm 2022: 25,791.682.744 đồng.

1.3 Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021:

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, trên cơ sở đề xuất Ban kiểm soát, HĐQT đã chọn đơn vị kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực trong danh sách được Bộ Tài chính chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 là Công ty TNHH kiểm toán VACO.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT:

2.1 Kết quả hoạt động HĐQT:

Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của HĐQT, tập thể lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ quản lý, người lao động. HĐQT đã điều hành linh hoạt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tăng trưởng ổn định, phát triển bền vững, hầu hết các chỉ tiêu theo kế hoạch Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra chúng ta đều đạt được và vượt so với kế hoạch.

Trong năm 2021, ngoài việc hàng quý tổ chức thực hiện các phiên họp định kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề về đầu tư theo quy chế quản lý đầu tư, chi cổ tức, xây dựng chiến lược, ..., thì Hội đồng quản trị còn thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của hội đồng quản trị. Việc tổ chức các cuộc họp định kỳ, ban hành các Nghị quyết của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu giữ theo đúng quy định nhằm chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám đốc triển khai thực hiện. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ khác...

2.2 Kết quả hoạt động chỉ đạo giám sát của HĐQT với Ban giám đốc:

HĐQT thường xuyên theo dõi và phối hợp với Ban giám đốc và chỉ đạo kịp thời để thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã đề ra. Định kỳ hàng tháng, quý đều có tổ chức họp để xem xét, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty, đề ra các giải pháp chỉ đạo kịp thời, định hướng hoạt động SXKD của Công ty.

Đánh giá chung:

Năm 2021 hoạt động SXKD của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Toàn xã hội đối mặt với đại dịch Covid 19, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty; đây cũng là năm năm công ty thực hiện nhiều đầu tư thiết bị công nghệ, và đầu tư nhiều dự án mới. Tuy nhiên nhờ vào sự nhận định kịp thời của BGĐ cũng như HĐQT về công tác chuẩn bị sản xuất, đảm bảo không bị động trước diễn biến tình hình và sự cố gắng của toàn thể cán bộ người lao động trong công ty nên đã đạt được kế hoạch đề ra.

Với tất cả sự cố gắng, đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Hội đồng quản trị, các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được Ban giám đốc triển khai kịp thời, đúng quy định. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được đã giúp công ty ngày càng phát triển, duy trì, củng cố lòng tin với khách hàng, nhà cung cấp, các cổ đông. Bên cạnh đó, việc thực hiện phối hợp tốt với Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của công ty, có thể đánh giá rằng Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban giám đốc và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Chính vì vậy mà mặc dù trong điều kiện gặp nhiều khó khăn, nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã hoàn thành tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của Công ty, tạo công ăn việc làm ổn định cho gần 300 cán bộ, công nhân viên người lao động trong công ty.

- Nội dung chưa thực hiện:

Bên cạnh các kết quả đạt được trên, vẫn còn tồn tại khó khăn trong công tác đầu tư xây dựng. Cụ thể: Tiến độ triển khai 02 dự án trọng tâm của Công ty còn chậm (*Mở rộng nâng cấp nhà máy nước Tháp chàm công suất từ 52.000m³ ngày/đêm, lên 120.000m³ ngày/đêm, và xây dựng trạm tăng áp 36.000m³ ngày/đêm*). Công tác phát triển mạng lưới cấp nước chưa đạt kế hoạch, nguyên nhân do vướng công tác giải phóng mặt bằng và công tác cấp phép xây dựng.



PHẦN II PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

Nhận định tình hình chính trị, kinh tế - xã hội năm 2022 được dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là suy thoái chung của nền kinh tế do dịch bệnh Covid 19 vẫn còn tiếp tục kéo dài ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. HĐQT thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 của Ban Giám đốc trình HĐQT để thông qua trong kỳ Đại hội này như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022
1	Nước ghi thu	m ³	21.150.952	21.200.000
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	197,434	191,263
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	57,9	48,058
4	Thu nhập bình quânNLĐ	triệu đồng	9,9	10,5

2. Công tác chỉ đạo:

Năm 2022, Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động của Công ty như sau:

Chỉ đạo Ban giám đốc xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban giám đốc và bộ máy giúp việc công ty.

Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

Điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh đầu tư xây dựng công ty một cách linh hoạt phù hợp trên nguyên tắc chủ động nguồn nước cung cấp, liên kết mạng lưới khu vực đảm bảo kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn phục vụ. Cố gắng giảm chi phí trong giá thành nước, giảm tỷ lệ thất thoát, bảo toàn vốn chủ sở hữu, nộp thuế đầy đủ cho Ngân sách Nhà nước và đảm bảo lợi ích, đời sống cho người lao động.

Không ngừng cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến.

Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.

Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ.

3. Những giải pháp chủ yếu để thực hiện:

Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh bằng cách thực hành tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất.

Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất kỳ để thảo luận, giám sát kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Tập trung chỉ đạo trong công tác chống thất thoát, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước từ 1-2% so với năm 2021.

Tiếp tục phát triển mạng lưới đường ống, phát huy hết công suất các nhà máy. Cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp lại nhân sự với mục tiêu chuyên môn hóa để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

PHẦN III KẾT LUẬN

Năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đã hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

Đến nay, Công ty CPCN Ninh Thuận từng bước đã trở thành một trong những đơn vị mạnh ở địa phương đóng góp đáng kể vào ngân sách Tỉnh. Sự phát triển của công ty là ổn định, bền vững và lâu dài. Có được kết quả này trước hết là sự đồng tâm hợp lực của từng thành viên HĐQT, sự nỗ lực của Ban giám đốc và toàn thể người lao động Công ty.

HĐQT Công ty trong thời gian qua cũng luôn nhận sự quan tâm, hỗ trợ từ UBND Tỉnh, các Sở ban ngành và những ý kiến đóng góp của các Quý cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hữu Sơn





**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
NHIỆM KỲ III (2019 – 2024)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh;

Ban kiểm soát trân trọng báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát (BKS), đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (Công ty) trong năm 2021 và xây dựng phương hướng hoạt động năm 2022 nhiệm kỳ III (2019 – 2024) như sau:

I. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2021

1. Cơ cấu Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Bà Bá Bạch Thủy Tiên, Trưởng BKS (Chuyên trách);
- Bà Đinh Lê Ngọc Trâm, Thành viên BKS (Không chuyên trách);
- Bà Vũ Đình Trúc Vi, Thành viên BKS (Không chuyên trách).

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên BKS đã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của mình trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty. Trong năm 2021, BKS đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận của Công ty;



- BKS đã duy trì tốt hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty: đã cử thành viên tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT; đại diện BKS cũng tham dự các cuộc họp của Ban Giám đốc và một số cuộc họp khác có liên quan để nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành tại Công ty;

- Thực hiện các công tác đúng theo kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS, bao gồm: Kiểm soát công tác tài chính kế toán, báo cáo tài chính quý, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán của Công ty, thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch và tiền lương thực hiện, kiểm soát công tác tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ và việc thực hiện các chế độ, chính sách với người lao động trong Công ty;

- Thẩm định hồ sơ trình ĐHCĐ thường niên năm 2021 nhiệm kỳ III (2019 – 2024), gồm những nội dung sau:

- + Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020;
- + Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;
- + Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
- + Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký của Công ty năm 2020 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký Công ty năm 2021;
- + Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021;

- Xem xét, lựa chọn và đề xuất đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty;

- Kiểm tra việc công bố thông tin của Công ty đảm bảo tính trung thực, đầy đủ và tuân thủ theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện một số công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS;

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường của BKS để soát xét, thảo luận và đánh giá hoạt động của Công ty.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

Số buổi họp: 8 buổi; Tỷ lệ tham dự: 100%; Tỷ lệ biểu quyết: 100%. Trong năm 2021, BKS đã tổ chức 08 cuộc họp với những nội dung như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung họp	Số thành viên tham dự
1	12/01/2021	Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
2	04/3/2021	Thông qua kết quả thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của Người quản lý và Người lao động thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.

3	22/3/2021	Thẩm định hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
4	23/3/2021	Thông qua kết quả thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của Người quản lý và Người lao động thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
5	05/4/2021	Thông qua các nội dung báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 nhiệm kỳ III (2019 – 2024) của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
6	22/6/2021	Thông qua các nội dung báo cáo trình Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty về kết quả kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh quý I năm 2021 của Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận tại Thông báo số 46/TB-BKS ngày 17/5/2021.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
7	07/12/2021	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
8	18/12/2020	Thông qua các nội dung báo cáo trình Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty về kết quả kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2021 của Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.

4. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

4.1. Tiền lương, thù lao của BKS năm 2021

Tổng tiền lương và thù lao của Ban Kiểm soát năm 2021 là **471.737.556 đồng**

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thù lao (đồng)	Ghi chú
1	Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng ban	359.083.956	TV chuyên trách
2	Bà Đình Lê Ngọc Trâm	Thành viên	56.326.800	TV không chuyên trách
3	Bà Vũ Đình Trúc Vi	Thành viên	56.326.800	TV không chuyên trách
	Tổng cộng		471.737.556	

4.2. Chi phí của BKS năm 2021: Áp dụng theo quy định chi tiêu nội bộ của Công ty.

5. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2021

5.1. Thực hiện chế độ kế toán và lập báo cáo tài chính

a. Thực hiện chế độ kế toán:

- Các báo cáo tài chính quý và năm của Công ty luôn phản ánh trung thực, hợp lý với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm và được trình bày đúng theo quy định về các biểu mẫu báo cáo, thời gian báo cáo.

- Việc ghi chép, mở sổ sách kế toán được thực hiện theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán được lập và lưu trữ đầy đủ, sắp xếp gọn gàng, khoa học, dễ truy tìm, đáp ứng các yêu cầu của công tác kiểm tra, kiểm soát.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính kịp thời theo đúng quy định của Luật chứng khoán.

b. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh. Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Kiểm soát đã thẩm định và thống nhất báo cáo ĐHCĐ như sau:

Tóm tắt một số chỉ tiêu Báo cáo tài chính năm 2021:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ (%) TH2021/TH2020
A	Tổng tài sản	392.369	372.615	95%
I	Tài sản ngắn hạn	211.364	213.636	101%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	9.249	6.206	67%
2	Đầu tư Tài chính ngắn hạn	160.012	164.000	102%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	29.587	31.934	108%
	<i>Trong đó: Phải thu ngắn hạn của KH</i>	<i>17.250</i>	<i>24.609</i>	<i>143%</i>
4	Hàng tồn kho	8.158	8.671	106%
5	Tài sản ngắn hạn khác	4.358	2.825	65%
II	Tài sản dài hạn	181.005	158.979	88%
1	Tài sản cố định	172.750	145.939	84%
2	Tài sản dở dang dài hạn	2.275	8.395	369%
3	Tài sản dài hạn khác	5.980	4.645	78%
B	Tổng nguồn vốn	392.369	372.615	95%
I	Nợ phải trả	196.912	160.219	81%
1	Nợ ngắn hạn	80.136	58.587	73%

2	Nợ dài hạn	116.776	101.632	87%
II	Vốn CSH	195.457	212.396	109%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	94.908	94.908	100%
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.965	1.965	100%
3	Quỹ Đầu tư phát triển	32.871	46.047	140%
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	65.713	69.476	106%

Qua số liệu Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán cho thấy tình hình tài chính của Công ty lành mạnh và ổn định. Vốn chủ sở hữu luôn được bảo toàn và tăng trưởng qua các năm.

Về công nợ: Công ty luôn mở sổ sách kế toán để quản lý, theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu, phải trả cho từng khoản mục, từng đối tượng nợ và thường xuyên tổng hợp, phân tích tình hình công nợ phải thu, phải trả của Công ty.

Riêng, nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng năm 2021 tăng so với năm 2020 là 7.359 triệu đồng, tỷ lệ tăng 43%. Tính đến ngày 31/12/2021, Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng là 24.609 triệu đồng, trong đó phải thu tiền nước của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải là 23.099 triệu đồng, đây là khoản chênh lệch tiền nước giữa giá nước mới (7.000 đồng/m³) với giá nước cũ (2.845 đồng/m³) phát sinh từ ngày 20/6/2018 đến ngày 31/12/2021. Công nợ trên, Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải không chấp thuận thanh toán vì hai Công ty hiện đang giải quyết tranh chấp hợp đồng dịch vụ cấp nước tại Tòa.

Theo kết luận tại Bản án sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận thì Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải phải thanh toán cho Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận số tiền nước còn nợ và tiền lãi chậm trả phát sinh tương ứng với tổng số tiền là 16.799 triệu đồng (trong đó, tiền lãi là 1.287 triệu đồng) nhưng đến nay Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải vẫn chưa thanh toán cho Công ty theo kết luận của bản án nêu trên.

5.2. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Một số chỉ tiêu tài chính đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Tỷ lệ thực hiện 2021 so với	
			Kế hoạch	Thực hiện	KH 2021	TH 2020
1	Nước ghi thu (M3)	20.868.770	21.306.291	21.150.298	99%	101%
2	Tổng doanh thu	194.302	193.126	197.434	102%	102%
a	Doanh thu tiền nước	177.626	181.426	177.623	98%	100%
b	Doanh thu lắp đặt	6.126	5.200	5.874	113%	96%
c	Doanh thu tài chính	10.048	6.000	8.523	142%	85%
d	Doanh thu khác	502	500	5.414	1083%	1078%
3	Tổng chi phí	136.560	147.249	139.524	95%	102%
a	Giá vốn hàng bán	110.729	120.272	111.628	93%	101%
b	Chi phí HĐTC	7.120	6.178	6.178	100%	87%

c	Chi phí bán hàng	6.492	7.560	5.749	76%	89%
d	Chi phí QLDN	11.900	12.919	13.566	105%	114%
e	Chi phí khác	319	320	2.403	751%	753%
4	Lợi nhuận trước thuế	57.742	45.877	57.910	126%	100%
5	Thuế TNDN	5.037	5.717	7.541	132%	150%
6	Lợi nhuận sau thuế	52.705	40.160	50.369	125%	96%

Năm 2021 là năm đặc biệt khó khăn, phải đối phó với tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người lao động. Nhưng, với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty cùng quyết tâm phấn đấu đạt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã đề ra.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty đa phần vượt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã đề ra nhưng chưa cao. Tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt 197.434 triệu đồng, tăng 2% so với kế hoạch năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 50.369 triệu đồng, tăng 25% so với kế hoạch năm 2021.

Với kết quả đạt được trong năm 2021, Ban Kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành công tác quản trị và điều hành, tuân thủ các quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

5.3. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
1	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	2,64	3,65
2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	2,54	3,50
3	Hệ số khả năng thanh toán tức thời	0,12	0,11
II	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn		
1	Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	0,50	0,43
2	Nợ dài hạn/tổng nguồn vốn	0,30	0,27
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
1	Vòng quay hàng tồn kho	14,45	13,27
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,47	0,49
IV	Lợi nhuận sau thuế		
1	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần (%)	28,68%	27,45%
2	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH bình quân (%)	28,57%	24,70%
3	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%)	13,50%	13,17%

Qua số liệu phân tích nêu trên cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty luôn đảm bảo; Chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn cho thấy tài sản của Công ty được hình thành chủ yếu từ nguồn vốn Chủ sở hữu, nợ phải trả chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng nguồn vốn nên Công ty ít gặp khó khăn hơn trong việc điều hành tài chính của Công ty. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động tăng trưởng qua các năm. Các tỷ suất lợi nhuận sau thuế năm 2021 giảm so với năm 2020 nhưng không đáng kể. Đây là kết quả cố gắng cũng như nỗ lực điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, trong năm 2021 Ban kiểm soát đã kiểm soát, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

6.1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp, thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản trị Công ty trong phạm vi, thẩm quyền của Hội đồng quản trị, được thể hiện cụ thể như:

- Hội đồng quản trị luôn sát cánh với Ban Giám đốc trong hoạt động thường xuyên của Công ty để phối hợp, hỗ trợ, giám sát và đôn đốc các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời chỉ đạo giải quyết mọi vấn đề quan trọng phát sinh được thể hiện qua các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị. Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 39 Nghị quyết và Quyết định, thông qua hình thức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức họp định kỳ và bất thường; ban hành các Nghị quyết, Quyết định đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Định hướng mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và giao cho Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện;

- Kiểm tra, thẩm định và đưa ra các quyết sách quan trọng trong việc đầu tư các dự án;

- Chỉ đạo công tác quản lý nhân sự; giải quyết tháo gỡ các vướng mắc khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho Ban Giám đốc điều hành sản xuất kịp thời, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tài chính theo kế hoạch đề ra.

6.2. Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc:

- Ban Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện đúng theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy chế của Công ty. Trong

năm, do ảnh hưởng dịch đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng trên cả nước đến nay vẫn chưa chấm dứt, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc tổ chức họp tập trung để giải quyết các vướng mắc trong điều hành không được thường xuyên nhưng Ban Giám đốc đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành, giải quyết các vướng mắc trong công việc thông qua điện thoại, email và các phương tiện thông tin khác, trực tiếp triển khai thực hiện quyết liệt và nghiêm túc các định hướng chiến lược của Đại hội đồng cổ đông và các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tuân thủ các quy chế, quy định, các nguyên tắc hoạt động trong công tác quản lý tài chính, quản lý dự án, đầu tư, doanh thu, chi phí, tổ chức nhân sự.... góp phần làm tăng lợi nhuận năm 2021 vượt mức so với kế hoạch đã đề ra;

- Mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị, Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết;

- Công tác Tài chính Kế toán tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành, thực hiện tốt các chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin định kỳ đối với Công ty đại chúng cho các Sở, ban ngành theo đúng quy định.

7. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý của Công ty:

Trong năm 2021, giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý cơ bản luôn duy trì tốt mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được thực hiện phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

Hội đồng quản trị đã kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty để góp ý kiến với Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đều được mời tham dự, thông qua đó Ban kiểm soát có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022 NHIỆM KỲ III (2019-2024):

Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2022 như sau:

1. Kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty trong việc chấp hành điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

2. Tổ chức họp định kỳ và bất thường (khi cần thiết);

3. Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban của Công ty;

4. Kiểm soát công tác tài chính kế toán, báo cáo tài chính quý, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán của Công ty, thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch và tiền lương thực hiện, kiểm soát công tác tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ và việc thực hiện các chế độ, chính sách với người lao động trong Công ty;

5. Thẩm định hồ sơ trình ĐHĐCĐ thường niên hàng năm;

6. Thực hiện kiểm tra, giám sát đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

7. Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

8. Phát huy hơn nữa việc phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra những ý kiến đề xuất cho HĐQT, Ban Giám đốc Công ty trong tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2022 nhiệm kỳ III (2019-2024).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng báo cáo Đại hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- TV Ban kiểm soát C.ty;
- Lưu: VT, BKS, Thư ký C.ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Bá Bạch Thủy Tiên



BÁO CÁO

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Công ty Cổ phần Cấp nước báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021; Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2021/kế hoạch 2021
1	Nước ghi thu	m ³	21.306.291	21.150.298	99,27 %
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	193.126	197.434	102,23 %
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	45.877	57.909	126,23 %
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	40.160	50.369	125,42 %
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	189.955	212.396	111,81 %
6	Tổng Tài sản	Triệu đồng		372.615	
7	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%		23,71	
8	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%		13,52	

- Sau một năm triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh với sự nỗ lực hết mình của toàn bộ cán bộ công nhân viên, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra, đồng thời mở ra nhiều hướng đi mới tạo tiền đề phát triển trong tương lai.

2. Phân tích, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và kết quả đạt được.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021, toàn thể Ban Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty đã không ngừng cố gắng để thực hiện các định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Năm 2021, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có những mặt thuận lợi và khó khăn như sau:

*** Thuận lợi:**

- Trong năm qua Công ty luôn nhận được sự quan tâm, lãnh chỉ đạo kịp thời của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, sự giúp đỡ của các Sở, ngành chức năng và sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong bối cảnh dịch Covid diễn biến phức tạp luôn quan tâm xây dựng, củng cố mối quan hệ lao động hài hoà tiến bộ, công khai, minh bạch đã tạo đồng thuận và là động lực quan trọng giúp Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Đội ngũ Cán bộ công nhân viên, người lao động (CBCNV-NLĐ) có tinh thần trách nhiệm cao, chủ động khắc phục khó khăn; có ý thức chấp hành pháp luật, quy trình, quy tắc, nội quy, quy chế của đơn vị; luôn giữ sự đoàn kết, thống nhất, yên tâm làm việc, xây dựng đơn vị ổn định và phát triển.

- Hệ thống cấp nước tại các đô thị hoạt động ổn định.

- Các Nhà máy sản xuất đã được cải tạo, đầu tư nâng cấp, qua đó tăng công suất năng lực cấp nước đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- Công tác phát triển mạng lưới, phát triển khách hàng được quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận với dịch vụ cấp nước, góp phần tăng sản lượng nước và doanh thu;

- Công tác giải quyết các yêu cầu lắp mới, nâng, dời, kiểm định đồng hồ nước được thực hiện đúng quy trình, đúng thời gian quy định, đảm bảo hài lòng khách hàng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho đơn vị.

*** Khó khăn:**

- Năm 2021 là năm cực kỳ khó khăn đối với doanh nghiệp, do dịch COVID - 19 diễn biến phức tạp và kéo dài nên khách hàng giảm sử dụng nước; đặc biệt là nhiều khách sạn, nhà hàng phục vụ khách du lịch phải đóng cửa do ảnh hưởng của dịch, dẫn đến nhu cầu sử dụng nước giảm.

- Đặc biệt sau khi dịch bùng phát, Công ty đã chủ động thực hiện hỗ trợ tiền nước phát sinh 100% cho khu cách ly trọng điểm của tỉnh trong 4 tháng (tháng 4,5,6,7/2021) và sau đó căn cứ văn bản số 4369/UBND-KTTH của

UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 23/8/2021 về việc giảm giá nước sạch sinh hoạt trong thời gian bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid- 19 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận. Công ty đã thực hiện miễn toàn bộ 100% tiền nước phát sinh kỳ 8,9,10 cho toàn bộ các cơ sở dùng làm nơi cách ly tập trung, bệnh viện dã chiến và giảm 50% cho các hộ nghèo, hộ chính sách, giảm 5%; 10% các hộ nơi thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 15, 16/CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Hệ thống mạng lưới qua thời gian dài sử dụng đã có tình trạng quá tải. Hệ thống cấp nước do các đơn vị ngoài công ty đầu tư chưa đồng bộ, gây khó khăn về mặt áp lực nước cung cấp cho các hộ khách hàng.

- Nguồn nước thô cung cấp cho các Nhà máy nước không ổn định về chất lượng, gây khó khăn trong sản xuất, làm tăng chi phí xử lý nước.

- Các công trình mở rộng mạng lưới cấp nước khi triển khai bị vướng ở thủ tục xin phép khi buộc phải tự di dời, cải tạo mà không được đền bù khi có thu hồi của Nhà nước gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

3. Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021, Công ty đã thực hiện đầu tư một số công trình để đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng ngày càng cao như:

*** Xây dựng cơ bản.**

Việc sử dụng vốn đầu tư vào công tác phát triển sản xuất, mở rộng mạng lưới cấp nước có hiệu quả, nâng cao được công suất khai thác cho các Nhà máy nước, thêm số hộ khách hàng mới sử dụng nước.

Các hạng mục XD CB sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy tốt hiệu quả, qua đó tăng được sản lượng nước, chất lượng nước ổn định;...

*** Danh mục các công trình đã thực hiện:**

- Công trình Cải tạo Sân đường nội bộ và tường rào khuôn viên Trạm bơm cấp 2 (trạm bơm nước sạch);

- Công trình Nhà máy nước Phước Dân; Xây dựng tường rào bao quanh Nhà máy nước Phước Dân;

- Công trình Nhà máy nước Tháp Chàm; hạng mục: Sửa chữa, cải tạo Trạm bơm tăng áp Phan Rang;

- Cải tạo, sửa chữa, thay thế các một số hệ thống cấp nước, ống STK xuống cấp cho các khu vực.

- Công trình di dời Hệ thống cấp nước dọc hai bên đường QL 27 Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

*** Danh mục các công trình đang thực hiện:**

- Công trình Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tháp Chàm công suất 52.000m³/ ngày đêm lên 120.000m³/ ngày đêm; Sửa chữa cải tạo tuyến ống các khu vực.

11/8/2021 9:09:11 AM / NG

- Công trình Xây mới trạm bơm tăng áp số 2 khu vực Phan Rang;
- Công trình Đập dâng Nhà máy nước Tân Sơn;
- Công trình Cải tạo sửa chữa, di dời Hệ thống cấp nước dọc hai bên đường đôi Thống Nhất đoạn phía Nam thành Phố Phan Rang – Tháp Chàm.

*Danh mục các công trình Mua sắm trang thiết bị, máy móc thực hiện năm 2021.

- Triển khai thực hiện thủ tục đấu thầu theo đúng quy định;
- Luôn đảm bảo cung ứng vật tư kịp thời để phục vụ sản xuất;
- Mua sắm Biến tần 200kw dự phòng cho trạm tăng áp Phan Rang;
- Lắp điều khiển từ xa trạm tăng áp Khánh Nhơn;
- Lắp điều khiển từ xa trạm Trạm tăng áp Phước Dân;
- Thực hiện việc mua sắm vật tư sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, trang bị dụng cụ lao động theo đề xuất của các đơn vị trực thuộc của Công ty luôn đảm bảo chất lượng, nhanh chóng và giá thành hợp lý.

Thực hiện việc mua sắm vật tư sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, trang bị dụng cụ lao động theo đề xuất của các đơn vị trực thuộc của Công ty luôn đảm bảo chất lượng, nhanh chóng và giá thành hợp lý.

4. Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả:

a. Các khoản phải thu:

Công ty theo dõi chi tiết các khoản phải thu cho từng khoản mục, từng đối tượng.

Đối với khoản phải thu tiền nước và thu tiền lắp đặt hệ thống nước được thực hiện theo đúng quy định của Công ty và được đối chiếu hàng tháng giữa các phòng ban và nhà máy trong Công ty.

Đối với khoản phải thu nội bộ của Công ty các cá nhân, bộ phận đã làm thủ tục hoàn trả ngay sau khi thực hiện xong công việc.

Đối với các khoản phải thu khác ngoài Công ty, Công ty thường xuyên đôn đốc, đối chiếu xác nhận và thu hồi công nợ.

Đối với khoản nợ phải thu khó đòi Công ty trích lập dự phòng theo quy định và phân công cho từng phòng, nhà máy và cá nhân liên quan đến các khoản nợ phải thu chịu trách nhiệm và tích cực đôn đốc thu hồi nợ. Đến thời điểm 31/12/2021 Công ty đã trích lập dự phòng số tiền: 9.534.295.423 đồng.

Tính đến ngày 31/12/2021, Công ty có khoản phải thu tiền nước đối với khách hàng là Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải số tiền 23.099.219.697 đồng, chưa được đối chiếu công nợ do khách hàng không ký xác nhận. Đây là khoản phải thu tiền nước phát sinh từ ngày 20/6/2018 - thời điểm điều chỉnh giá nước cung cấp cho Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (điều chỉnh từ mức giá 2.845 đồng/m³ lên thành mức giá 7.000 đồng/m³).

b. Các khoản phải trả:

Công ty theo dõi chi tiết các khoản phải trả cho từng khoản mục, từng đối tượng.

Đối với khoản nợ vốn vay cho dự án hệ thống cấp nước sinh hoạt ADB3, Công ty đã thực hiện trả nợ và lãi vay theo đúng thời hạn trả nợ trong hiệp định vay.

Các khoản thuế, phí, lệ phí, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn Công ty đã nộp theo đúng quy định của Nhà nước.

Đối với các khoản phải trả khác trong năm Công ty đã thanh toán ngay khi đến hạn, không để nợ quá hạn.

5. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo và nộp tiền vào ngân sách nhà nước đúng theo quy định.

II. Công tác lao động – tiền lương:

1. Công tác lao động:

- Công ty đã luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời tổ chức thăm hỏi, trợ cấp khó khăn, thực hiện tái ký hợp đồng lao động cho người lao động đủ điều kiện.

2. Công tác tiền lương, tiền thưởng – thu nhập:

- Trong năm 2021, Công ty đã quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 và xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của người lao động, người quản lý; thực hiện thanh toán lương, thưởng cho người lao động, người quản lý theo đúng quy chế trả lương, trả thưởng.

3. Công tác pháp chế + an toàn lao động:

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, hàng tháng Công ty tổ chức họp giao ban để chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị, tổ chức các buổi Hội nghị đối thoại giữa người lao động với lãnh đạo các phòng ban trong Công ty. Thông qua Hội nghị đối thoại, giúp cho ban lãnh đạo Cty nắm bắt và thấu hiểu những trăn trở, bức xúc của CBCNV, người lao động để giải quyết và khắc phục những thiếu sót, tồn tại, cũng như ghi nhận các ý kiến đóng góp để điều chỉnh các quy định, chính sách nội bộ phù hợp tình hình thực tế của Công ty.

- Công ty đặc biệt chú trọng đến việc đảm bảo an toàn lao động cho người lao động, trang bị đầy đủ và đúng chế độ các trang bị bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Đồng thời, mua bảo hiểm kết hợp con người cho toàn bộ người lao động.

- Về kiểm tra an toàn - bảo hộ lao động: thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn vệ sinh lao động ở các Nhà máy và các công trình. Qua kiểm tra cho thấy các đơn vị đã chấp hành đầy đủ các quy định về ATVS-LĐ theo đúng quy định, không có trường hợp vi phạm nào nghiêm trọng phải lập biên bản nhắc nhở, khắc phục.

- Đảm bảo bảo vệ trật tự, an ninh, phòng cháy chữa cháy tại các văn phòng, kho bãi công ty thực hiện tốt, không để xảy ra sự cố trong năm.

- Giải quyết khiếu nại tố cáo: không có

4. Công tác thi đua - khen thưởng:

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của Khối thi đua Doanh nghiệp I, bộ phận phụ trách công tác Thi đua – Khen thưởng Công ty đã tích cực tham mưu cho Ban Lãnh đạo thực hiện việc đăng ký nội dung và danh hiệu thi đua năm 2021; tổ chức, phát động các phong trào thi đua hưởng ứng các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước gắn với việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Công tác thi đua khen thưởng luôn được quan tâm, hàng quý có bình bầu thi đua, cuối năm chọn ra các nhân tố tích cực, qua đó tạo động lực cho CBCNV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Từ đó khuyến khích thi đua toàn Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đánh giá chung:

- Năm 2021 các chỉ tiêu đề ra cơ bản hoàn thành vượt kế hoạch, riêng sản lượng nước ghi thu không đạt do ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài. Các biện pháp xây dựng để thực hiện nhiệm vụ được áp dụng đầy đủ và toàn diện;

- Nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước, Công ty thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra;

- Các khoản chi tiêu đúng chính sách chế độ và tiết kiệm, sử dụng vật tư và lao động hợp lý;

- Việc sử dụng vốn đầu tư, quản lý tài sản được quan tâm, quản lý chặt chẽ, đa số tài sản đều phát huy công suất, hiệu quả góp phần tạo lên doanh thu cho Công ty. Việc thu chi đúng đối tượng và kịp thời tạo điều kiện hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh.

- Công tác thực hiện phát triển, lắp đặt hộ khách hàng mới kịp thời theo tiến độ mở mạng, khâu thủ tục hồ sơ và chỉ đạo thi công kịp thời và phù hợp, rút ngắn thời gian tiếp cận dịch vụ cấp nước của khách hàng, tạo mọi điều kiện cho khách hàng được sử dụng nước.

B. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2022.

1. Tình hình chung:

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả nhất nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Phát triển thêm nhiều khu vực phục vụ khách hàng để tăng sản lượng. Chú trọng các giải pháp

chống thất thoát, phấn đấu năm 2022 hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông cũng như quan tâm hơn nữa đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty.

- Tiếp tục phát triển mạng lưới, phát huy hết công suất các nhà máy. Hoàn thành các dự án Cải tạo và nâng cấp nhà máy nước Tân Sơn, nhà máy nước Tháp Chàm, một phần dự án Trạm bơm tăng áp số 2 nhằm tăng năng lực cấp nước; cải tạo mạng ống cũ, tăng cường quản lý chống thất thoát, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát năm 2022 xuống còn ≤ 20 .

2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

2.1 Về công tác xây dựng cơ bản:

- Đẩy mạnh triển khai các dự án nâng cấp cải tạo nâng công suất các Nhà máy trực thuộc Công ty.

- Thực hiện đầu tư các hệ thống Scada, hệ thống điều khiển từ xa, hệ thống tự động hoá nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác giám sát, quản lý vận hành;

- Mở rộng mạng lưới tại các khu vực phù hợp quy hoạch để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng trên địa bàn quản lý;

- Cải tạo, sửa chữa các hạng mục tại các Nhà máy và văn phòng Công ty tạo môi trường làm việc khang trang, sạch đẹp, tăng vẻ mỹ quan Công ty;

- Cải tạo hệ thống cấp nước cũ, giảm tỷ lệ thất thoát;

- Thực hiện mua sắm theo đúng thủ tục của Nhà nước;

- Quản lý tốt xuất, nhập vật tư.

- Từng bước nâng công suất Nhà máy nước Tân Sơn lên 10.000m³/ngày.

- Tiếp tục triển khai các dự án như: Công trình cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tháp Chàm công suất 52.000m³/ ngày đêm lên 120.000m³/ ngày đêm; xây dựng Trạm bơm tăng áp 2 công suất 36.000 m³/ngày; Phối hợp với các chủ đầu tư Dự án, đầu tư đường ống cấp nước cho khu công nghiệp Du Long, cho các dự án du lịch khu vực Sơn Hải, Mũi Dinh và các dự án năng lượng tái tạo, các khách hàng lớn...

- Tiếp tục thực hiện cải tạo các tuyến ống cũ để tăng năng lực cấp nước, từng bước thay toàn bộ ống STK cũ để giảm thất thoát.

2.2 Chất lượng nước

- Tăng cường kiểm soát chất lượng nước thô, nước sạch tại các nhà máy.

- Lắp đặt các thiết bị kiểm soát chất lượng nước tại các nhà máy và mạng lưới.

2.3 Giảm thất thoát - thất thu

- Phân đầu đạt tỷ lệ thất thoát dưới 20% trong vài năm đến, phát huy hiệu quả của phòng Quản lý mạng lưới.

- Lắp đặt một số đồng hồ kiểm soát thất thoát mạng lưới các khu vực, các nhà máy.

- Tăng cường công tác kiểm tra, gắn hiệu quả giảm thất thoát thất thu với chế độ khen thưởng hợp lý.

- Xây dựng kế hoạch, tập trung các nguồn lực cho chống thất thoát;

- Tăng cường quản lý công tác ghi chỉ số đồng hồ

- Duy trì hạ thấp mức tồn thu.

2.4 Nâng cao chất lượng dịch vụ

- Tăng cường, cải tiến hoạt động của các nhóm chăm sóc khách hàng, kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố và các kiến nghị của khách hàng.

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân viên, đào tạo các nhân viên tiếp xúc với khách hàng luôn có thái độ thân thiện, hỗ trợ khách hàng.

- Tiếp tục hoàn thiện chương trình GIS để tăng cường công tác quản lý.

- Tiếp tục triển khai việc thu tiền nước qua các ngân hàng.

- Nâng cấp chương trình eBilling để nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng dịch vụ.

- Phát triển khách hàng nhờ thu qua các kênh ngân hàng, các đại lý nhờ thu.

- Xây dựng và triển khai phương thức tổ chức ghi thu tiền nước mới nhằm tiết kiệm chi phí tăng hiệu quả;

- Hoàn thiện hệ thống thông tin khách hàng.

- Duy trì hoạt động ổn định cho các nhà máy nước, khai thác tốt năng lực của máy móc thiết bị hiện có;

2.5 Quản lý đầu tư

- Tăng cường công tác quản lý đầu tư, đảm bảo hiệu quả đúng quy định.

- Tăng cường chất lượng thi công, chất lượng tư vấn thiết kế, giám sát.

2.6 Các vấn đề khác

- Ổn định môi trường làm việc, nâng cao mức thu nhập cho cán bộ công nhân viên

- Sắp xếp bộ máy quản lý phù hợp với thực tế sản xuất, thực hiện tốt nội quy, quy chế của Công ty, áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý điều hành.

- Duy trì các hoạt động văn hóa, xã hội tạo môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh.

3. Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022
1	Nước ghi thu	m ³	21.200.000
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	191.263
	- Nước ghi thu	Triệu đồng	179.728
	- Lắp đặt	Triệu đồng	5.200
	- Tài chính + khác	Triệu đồng	6.335
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	48.058
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	42.196
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	223.499

Trên đây là kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Đinh Ân



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 498/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 6 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 21/6/2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO-Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 497/NQ-HĐQT ngày 06/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO-Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh kiểm toán.

(Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
(Thành lập tại Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày...tháng...năm 20....



Tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

19/03/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch
Ông Đinh Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên
Ông Đinh Viết Sơn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đinh Ân	Giám đốc
Ông Đinh Viết Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đinh Ân – Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đinh Ân

Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 03 năm 2022

Số: 040/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17 tháng 03 năm 2022 từ trang 04 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Giám đốc Chi nhánh
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2022



Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		213.636.357.965	211.363.905.610
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.205.808.164	9.249.199.930
1. Tiền	111	4	6.205.808.164	9.249.199.930
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		164.000.000.000	160.012.400.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	164.000.000.000	160.012.400.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.933.964.175	29.586.603.376
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	24.608.708.435	17.249.943.749
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		31.000.000	25.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	16.828.551.163	17.473.058.597
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(9.534.295.423)	(5.161.398.970)
IV. Hàng tồn kho	140	9	8.671.003.293	8.158.348.302
1. Hàng tồn kho	141		8.671.003.293	8.158.348.302
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.825.582.333	4.357.354.002
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	392.423.168	863.686.175
2. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	2.433.159.165	3.493.667.827
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.978.885.253	181.004.911.809
I. Tài sản cố định	220		145.938.728.943	172.749.617.667
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	145.740.427.379	172.355.719.500
- Nguyên giá	222		470.760.122.782	469.497.016.176
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(325.019.695.403)	(297.141.296.676)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	198.301.564	393.898.167
- Nguyên giá	228		2.832.118.363	2.832.118.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.633.816.799)	(2.438.220.196)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.395.080.151	2.274.965.845
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	8.395.080.151	2.274.965.845
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.645.076.159	5.980.328.297
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.645.076.159	5.980.328.297
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		372.615.243.218	392.368.817.419



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		160.218.779.086	196.912.178.486
I. Nợ ngắn hạn	310		58.587.103.948	80.136.258.320
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	3.828.949.636	3.842.004.467
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		852.006.115	611.694.252
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	-	68.483.419
4. Phải trả người lao động	314		3.796.111.372	5.350.981.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	5.896.491.714	8.617.333.836
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.697.273
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	25.824.233.762	44.780.538.278
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	15.144.245.028	15.144.245.028
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.245.066.321	1.719.280.642
II. Nợ dài hạn	330		101.631.675.138	116.775.920.166
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		609.089	609.089
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	25.170.329.312	25.170.329.312
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	76.460.736.737	91.604.981.765
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		212.396.464.132	195.456.638.933
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	212.396.464.132	195.456.638.933
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.908.414.916	94.908.414.916
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.908.414.916	94.908.414.916
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.965.140.000	1.965.140.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.047.345.680	32.870.997.543
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.475.563.536	65.712.086.474
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.096.356.288	13.856.693.926
- LNST chưa PP năm nay	421b		49.379.207.248	51.855.392.548
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		372.615.243.218	392.368.817.419



Đinh Ân
Giám đốc
Ninh Thuận, ngày 17 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	183.496.712.942	183.752.348.249
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	20	183.496.712.942	183.752.348.249
3. Giá vốn hàng bán	11	21	111.628.276.528	110.729.322.902
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		71.868.436.414	73.023.025.347
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.523.047.101	10.048.024.933
6. Chi phí tài chính	22	24	6.178.272.543	7.119.863.035
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.178.272.543	7.119.863.035
7. Chi phí bán hàng	25	25	5.748.613.564	6.491.953.303
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	13.565.618.373	11.899.874.587
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		54.898.979.035	57.559.359.355
10. Thu nhập khác	31		5.414.067.513	501.934.075
11. Chi phí khác	32		2.403.419.439	318.983.297
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.010.648.074	182.950.778
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		57.909.627.109	57.742.310.133
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	7.540.419.861	5.036.917.585
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		50.369.207.248	52.705.392.548
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70	27	4.427	4.541



Đinh Ân
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	57.909.627.109	57.742.310.133
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	28.073.995.330	28.726.546.594
- Các khoản dự phòng	03	4.372.896.453	2.522.008.870
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.523.047.101)	(10.048.024.933)
- Chi phí lãi vay	06	6.178.272.543	7.119.863.035
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	88.011.744.334	86.062.703.699
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.768.734.107)	(7.570.893.364)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.024.040.907)	(1.183.467.110)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(22.541.281.073)	11.769.920.434
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.806.515.145	94.259.131
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.262.819.214)	(7.204.409.699)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.000.000.000)	(7.000.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.241.050.470)	(6.192.937.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	39.980.333.708	68.775.175.931
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(9.249.654.775)	(17.575.876.337)
2. Tiền chi cho vay	23	(171.000.000.000)	(152.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	167.012.400.000	133.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.096.666.829	10.138.909.301
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.140.587.946)	(26.936.967.036)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.144.245.028)	(15.144.245.028)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.738.892.500)	(23.700.352.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.883.137.528)	(38.844.597.528)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.043.391.766)	2.993.611.367
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.249.199.930	6.255.588.563
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6.205.808.164	9.249.199.930



Đinh Ân
Giám đốc
Ninh Thuận, ngày 17 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty Cấp nước Ninh Thuận theo Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4303000061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 16 tháng 09 năm 2008 và thay đổi lần thứ tư theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 13 tháng 6 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, TP Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 273 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 271 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật mạng lưới cấp nước; Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế công trình cấp, thoát nước; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Thi công lắp đặt đường ống cấp nước.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch, khảo sát, thiết kế và lắp đặt các mạng lưới và đường ống cấp nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá xuất hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phần mềm máy tính	03
Tài sản cố định vô hình khác	03-25

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với Chính sách Kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa đường ống, chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 26/5/2015 của Bộ Tài chính: thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa). Công ty đáp ứng các điều kiện hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, Vì vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬNSố 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh,
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận	Cổ đông
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	120.609.800	38.550.500
Tiền gửi ngân hàng	6.085.198.364	9.210.649.430
Cộng	6.205.808.164	9.249.199.930

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (i)	23.099.219.697	15.950.398.784
Khách hàng dùng nước	1.316.904.278	1.118.017.305
Các đối tượng khác	192.584.460	181.527.660
Cộng	24.608.708.435	17.249.943.749

- (i) Đây là khoản phải thu tiền nước phát sinh từ ngày 20/06/2018 – thời điểm điều chỉnh giá nước cung cấp cho Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (“Đông Mỹ Hải”) (điều chỉnh từ mức giá 2.845 VND/m³ lên thành mức giá 7.000 VND/m³) đến nay, Đông Mỹ Hải chỉ đồng ý thanh toán tiền nước theo đơn giá 2.845 VND/m³ và không chấp nhận thanh toán phần chênh lệch cao hơn đơn giá này. Cho đến hiện nay, Công ty và Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải vẫn chưa ký hợp đồng cung cấp nước theo đơn giá mới, cũng như chưa thống nhất về số tiền nợ phải thu nêu trên. Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc điều chỉnh đơn giá nước này là phù hợp với các hướng dẫn về việc xác định đơn giá nước điều chỉnh đối với Đông Mỹ Hải. Tại thời điểm 31/12/2021, giá trị khoản phải thu tương ứng với mức giá 2.845 VND/m³ là 367.867.035 VND, phần còn lại của khoản phải thu là phần tương ứng với mức chênh lệch đơn giá nước mà 02 bên vẫn chưa thống nhất. Đến thời điểm lập báo cáo này, hai bên vẫn chưa thống nhất được các vấn đề nêu trên.

Theo kết luận tại Bản án sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 15/12/2021 của Tòa Nhân dân tỉnh Ninh Thuận thì Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (“Đông Mỹ Hải”) phải thanh toán số tiền nước còn nợ là 15.512.313.357 VND và tiền lãi phát sinh là 1.286.882.964 VND cho Công ty. Đây là số tiền nước mà Đông Mỹ Hải còn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận theo mức giá mới từ thời điểm điều chỉnh giá nước là từ kỳ thu tháng 7/2018 đến kỳ thu tháng 9/2019 (mức giá 5.000 VND/m³) và kỳ thu tháng 10/2019 đến kỳ thu tháng 11/2021 (mức giá 6.000 VND/m³) và tiền lãi chậm trả phát sinh tương ứng. Đến hiện tại, Đông Mỹ Hải vẫn chưa thanh toán số tiền này cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬNSố 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh,
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận**MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (i)	13.028.161.367	13.028.161.367
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	38.272.731	41.450.131
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.351.191.782	3.924.811.510
Tạm ứng	26.500.000	7.650.000
Phải thu khác	384.425.283	470.985.589
Cộng	16.828.551.163	17.473.058.597

- (i) Đây là phần tiền đối ứng của Công ty chuyển cho Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận để thực hiện công trình Hệ thống cấp nước Cà Ná. Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận thực hiện quyết toán (Xem thêm Thuyết minh số 17).

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	23.099.219.697	8.794.626.402	15.950.398.784	4.467.298.139
Khách hàng dùng nước	1.316.904.278	644.351.460	1.118.017.305	598.783.270
Các khách hàng khác	95.317.561	95.317.561	95.317.561	95.317.561
Cộng	24.511.441.536	9.534.295.423	17.163.733.650	5.161.398.970

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.882.392.668	-	3.283.148.550	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.591.620.275	-	3.813.911.152	-
Hóa chất tồn kho cuối năm	1.196.990.350	-	1.061.288.600	-
Cộng	8.671.003.293	-	8.158.348.302	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	57.365.620	92.128.544
Chi phí sửa chữa đường ống, tài sản khác	223.204.048	658.639.881
Bảo hiểm kết hợp con người	111.853.500	112.917.750
Cộng	392.423.168	863.686.175
b) Dài hạn		
Chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí	4.237.096.799	5.276.465.673
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	339.732.189	585.515.453
Chi phí sửa chữa tài sản khác	68.247.171	118.347.171
Cộng	4.645.076.159	5.980.328.297

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬNSố 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh,
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận**MÁU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.508.521.912	3.863.101.981	354.580.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.123.833.165	7.544.281.647	6.000.000.000	579.551.518
Thuế thu nhập cá nhân	66.731.260	407.954.153	407.954.153	66.731.260
Thuế tài nguyên, cấp quyền khai thác tài nguyên nước	16.229.840	858.821.360	949.381.440	106.789.920
Các loại thuế khác	1.286.873.562	8.067.866.798	8.106.499.634	1.325.506.398
Cộng	3.493.667.827	20.387.445.870	19.326.937.208	2.433.159.165
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	68.483.419	-	68.483.419	-
Cộng	68.483.419	-	68.483.419	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC NINH THUẬN

Số 14 Tổ Hiệu, phường Kinh Dinh,

thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	khác VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	63.282.901.397	32.964.450.373	371.613.235.352	1.083.154.344	553.274.710	-	469.497.016.176
- Mua trong năm	-	369.080.000	-	82.995.455	-	-	452.075.455
- Tăng từ XDCB hoàn thành	-	1.776.864.511	165.211.567	-	-	-	1.942.076.078
- Tăng theo giá trị quyết toán	-	-	74.662.360	-	-	-	74.662.360
- Giảm theo giá trị quyết toán	-	-	(1.205.707.287)	-	-	-	(1.205.707.287)
Số dư cuối năm	63.282.901.397	35.110.394.884	370.647.401.992	1.166.149.799	553.274.710	-	470.760.122.782
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	31.347.169.998	23.289.820.343	241.312.208.153	638.823.472	553.274.710	-	297.141.296.676
- Khấu hao trong năm	4.103.789.035	2.605.454.655	21.032.001.856	137.153.181	-	-	27.878.398.727
Số dư cuối năm	35.450.959.033	25.895.274.998	262.344.210.009	775.976.653	553.274.710	-	325.019.695.403
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	31.935.731.399	9.674.630.030	130.301.027.199	444.330.872	-	-	172.355.719.500
Tại ngày cuối năm	27.831.942.364	9.215.119.886	108.303.191.983	390.173.146	-	-	145.740.427.379

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 81.811.996.025 VND (tại ngày 31/12/2020 là 69.567.628.220 VND) và nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 13.202.064.119 VND (tại ngày 31/12/2020 là 13.202.064.119 VND). Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 1.518.866.113 VND (tại ngày 31/12/2020: 1.847.959.904 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phân mềm máy tính	Quyền khai thác nước mặt	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.817.072.000	466.500.000	548.546.363	2.832.118.363
Số dư cuối năm	1.817.072.000	466.500.000	548.546.363	2.832.118.363
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.721.938.177	167.832.266	548.449.753	2.438.220.196
- Khấu hao trong năm	39.999.997	155.499.996	96.610	195.596.603
Số dư cuối năm	1.761.938.174	323.332.262	548.546.363	2.633.816.799
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	95.133.823	298.667.734	96.610	393.898.167
Tại ngày cuối năm	55.133.826	143.167.738	-	198.301.564

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 2.096.794.363 VND (tại ngày 31/12/2020 là 1.881.993.454 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 148.824.000 VND (tại ngày 31/12/2020 là 148.824.000 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trạm bơm tăng áp Phan Rang số 02, công suất 36.000 m3/ngày đêm	6.839.266.572	802.272.455
Nâng công suất Nhà máy nước Tháp Chàm	688.534.644	665.482.826
Sửa chữa, cải tạo Trạm bơm tăng áp Phan Rang	-	337.111.279
Gia cố Kênh Cầu Ngòi	-	252.540.516
Di dời tuyến ống cấp nước dọc 2 bên đường đôi vào TP.PR-TC	398.668.597	-
Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc NMN Tháp Chàm	420.831.824	-
Các công trình khác	47.778.514	217.558.769
Cộng	8.395.080.151	2.274.965.845

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	1.319.165.100	1.319.165.100	1.343.911.500	1.343.911.500
Công ty TNHH Xuất - Nhập khẩu Thái Đạt	692.340.000	692.340.000	692.340.000	692.340.000
Công ty TNHH Long Vành	147.371.441	147.371.441	274.123.581	274.123.581
Các đối tượng khác	1.670.073.095	1.670.073.095	1.531.629.386	1.531.629.386
Cộng	3.828.949.636	3.828.949.636	3.842.004.467	3.842.004.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	480.088.454	564.635.123
Chi phí di dời đoạn đường ống Quốc lộ 1A	3.320.876.356	3.320.876.356
Chi phí di dời đoạn đường ống Quốc lộ 1A theo hình thức hợp đồng BOT (i)	1.866.168.719	4.429.519.569
Chi phí khác	229.358.185	302.302.788
Cộng	5.896.491.714	8.617.333.836

- (i) Giá trị tại ngày 31/12/2021 là phần còn lại phải thanh toán cho các nhà thầu thực hiện di dời tuyến đường ống Quốc lộ 1A theo hình thức hợp đồng BOT, đến thời điểm phát hành báo cáo này, công trình đã được phê duyệt quyết toán xong,

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Khoản đền bù di dời các tuyến ống nước (i)	17.512.522.357	22.356.489.806
Ban Quản lý dự án Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (ii)	7.696.286.978	21.696.286.978
Các khoản phải trả khác	615.424.427	727.761.494
Cộng	25.824.233.762	44.780.538.278
b) Dài hạn		
Ban Quản lý dự án Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (ii)	25.170.329.312	25.170.329.312
Cộng	25.170.329.312	25.170.329.312

- (i) Trong đó bao gồm:

+ Khoản tiền nhận hỗ trợ di dời tuyến ống nước dọc hai bên bờ Vĩnh Hy – Ninh Chữ (thuộc dự án ven biển tỉnh Ninh Thuận) với số tiền 12.643.420.000 VND theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

+ Khoản tiền nhận hỗ trợ di dời của các dự án khác với số tiền 4.869.102.357 VND, hiện tại các dự án này vẫn đang trong quá trình quyết toán.

- (ii) Đây là giá trị xây dựng và cung cấp thiết bị của Hệ thống cấp nước Cà Ná do Công ty khai thác, vận hành và được Công ty tạm ghi tăng tài sản theo hồ sơ quyết toán công trình xác nhận thanh toán cuối cùng ngày 27/6/2014 với tổng nguyên giá là 46.866.616.290 VND. Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận thực hiện quyết toán. Theo công văn số 2153/UBND-KTTH ngày 06/05/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận thống nhất đề xuất của Sở Tài chính tại văn bản số 576/STC-VP ngày 01/3/2021 về việc xử lý số tiền Công ty đã trích khấu hao theo hướng: tạm nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền đã trích khấu hao đến ngày 31/12/2020. Số tiền đã trích khấu hao của Hệ thống cấp nước Cà Ná (tính đến ngày 31/12/2020) là 21.696.286.978 VND, trong năm 2021 đã nộp vào ngân sách nhà nước 14.000.000.000 VND, số còn lại 7.696.286.978 VND sẽ được nộp trong năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>	<i>15.144.245.028</i>	<i>15.144.245.028</i>	<i>15.144.245.028</i>	<i>15.144.245.028</i>	<i>15.144.245.028</i>	<i>15.144.245.028</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Nguồn vốn ADB (i)	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028
Nguồn vốn AFD (ii)	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000
<i>b) Vay dài hạn</i>	<i>91.604.981.765</i>	<i>91.604.981.765</i>	-	<i>15.144.245.028</i>	<i>76.460.736.737</i>	<i>76.460.736.737</i>
Nguồn vốn ADB (i)	87.334.617.668	87.334.617.668	-	13.436.095.028	73.898.522.640	73.898.522.640
Nguồn vốn AFD (ii)	4.270.364.097	4.270.364.097	-	1.708.150.000	2.562.214.097	2.562.214.097

- (i) Khoản vay vốn ADB là khoản vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ 3 – ADB 3 ngày 26/07/2002, Bộ Tài chính cho Công ty vay lại khoản vay bằng VND tương đương với 11.836.000 USD; với thời hạn vay là 22 năm; trong đó có 6 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của Dự án. Trong thời kỳ ân hạn, lãi của khoản vay sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm. Khoản vay được chia làm 32 kỳ trả nợ, trong đó kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 01/12/2012. Hiện tại Ngân hàng đang áp dụng mức lãi suất cho vay là 5,8% và 0,2% phí quản lý.
- (ii) Khoản vay vốn AFD là khoản vay vốn theo Hợp đồng Tín dụng vốn ODA số 01/2003/TDNN ngày 28/05/2003 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2011/PL-TDNN ngày 15/09/2011 với Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Ninh Thuận. Công ty vay từ nguồn vốn AFD để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn. Tổng số vốn vay là 18.943.147.000 VND, lãi suất đi vay 5,8%/năm kèm theo phí phải trả Ngân hàng là 0,2%/năm; Thời hạn vay 22 năm trong đó có 9 năm ân hạn bắt đầu từ ngày ký Hiệp định vay vốn 02/04/2002. Trong thời kỳ ân hạn, các khoản lãi phát sinh sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/5 và 01/11 hàng năm. Khoản vay được chia làm 26 kỳ trả nợ, kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 31/10/2011.

Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.144.245.028	15.144.245.028
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	60.576.980.112	60.576.980.112
Sau năm năm	15.883.756.625	31.028.001.653
	91.604.981.765	106.749.226.793
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn)	15.144.245.028	15.144.245.028
Số phải trả sau 12 tháng	76.460.736.737	91.604.981.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	94.908.414.916	1.965.140.000	18.763.917.911	57.858.687.826	173.496.160.653
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	52.705.392.548	52.705.392.548
Trích quỹ	-	-	14.107.079.632	(20.274.923.475)	(6.167.843.843)
Trả cổ tức	-	-	-	(23.727.102.500)	(23.727.102.500)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(850.000.000)	(850.000.000)
Tăng khác	-	-	-	32.075	32.075
Số dư đầu năm nay	94.908.414.916	1.965.140.000	32.870.997.543	65.712.086.474	195.456.638.933
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	50.369.207.248	50.369.207.248
Trích quỹ (i)	-	-	13.176.348.137	(21.933.791.700)	(8.757.443.563)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(23.727.102.500)	(23.727.102.500)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	(990.000.000)	(990.000.000)
Tăng khác	-	-	-	45.164.014	45.164.014
Số dư cuối năm nay	94.908.414.916	1.965.140.000	46.047.345.680	69.475.563.536	212.396.464.132

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 428/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:
- Trích Quỹ đầu tư phát triển là 13.176.348.137 VND.
 - Trích Quỹ phúc lợi là 2.500.000.000 VND.
 - Trích Quỹ khen thưởng của người lao động là 6.858.664.404 VND và Quỹ khen thưởng của viên chức quản lý là 248.779.159 VND. Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng năm 2020 là 850.000.000 VND, nên số trích lập bổ sung trong năm 2021 là 6.257.443.563 VND (trong đó có 6.058.664.404 VND là quỹ khen thưởng cho người lao động, 198.779.159 VND là quỹ khen thưởng của viên chức quản lý).
 - Chi cổ tức từ lợi nhuận sau thuế là 23.727.102.500 VND (Cổ tức trên mỗi cổ phần là 2.500 VND/cổ phần).
- (ii) Theo Nghị quyết số 425/NQ-HĐQT ngày 22/04/2021 của Hội đồng quản trị, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng năm 2021 trên lợi nhuận của năm 2021 để chi tiền thưởng cho người lao động, người quản lý Công ty với số tiền là 990.000.000 VND. Mức trích quỹ khen thưởng năm 2021 cuối cùng sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022 của Công ty quyết định chính thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 thay đổi lần thứ 4 ngày 13/06/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp, vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND. Tại ngày 31/12/2021, Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Nhà đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	49.405.554.916	52,06%	49.405.554.916	52,06%
Vốn góp của các đối tượng khác	45.502.860.000	47,94%	45.502.860.000	47,94%
- Do pháp nhân nắm giữ	41.954.960.000	44,20%	41.854.960.000	44,10%
+ Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	40.224.860.000	42,38%	40.224.860.000	42,38%
+ Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.000.000.000	1,05%	1.000.000.000	1,05%
+ Đối tượng khác	730.100.000	0,77%	630.100.000	0,67%
- Do thể nhân nắm giữ	3.547.900.000	3,74%	3.647.900.000	3,84%
Cộng	94.908.414.916	100%	94.908.414.916	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/Cổ phiếu. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông là 23.738.892.500 VND (năm trước là 23.700.352.500 VND).

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cấp nước	177.622.733.448	177.625.763.393
Doanh thu lắp đặt ống nước	5.873.979.494	6.126.584.856
Cộng	183.496.712.942	183.752.348.249

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	107.290.374.027	106.074.962.510
Giá vốn lắp đặt ống nước	4.337.902.501	4.654.360.392
Cộng	111.628.276.528	110.729.322.902

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.955.759.413	54.661.399.900
Chi phí nhân công	33.029.645.883	33.500.089.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.073.995.330	28.726.546.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.969.810.997	4.274.020.541
Chi phí khác	9.913.296.842	7.959.094.482
Cộng	130.942.508.465	129.121.150.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng.

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phát sinh trong năm là chi phí lãi vay.

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.416.310.414	1.854.890.573
Chi phí vật liệu, bao bì	4.205.887.150	4.558.015.730
Các khoản chi phí bán hàng khác	126.416.000	79.047.000
Cộng	5.748.613.564	6.491.953.303
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.213.501.076	1.990.233.274
Chi phí vật liệu quản lý	386.487.016	398.884.542
Chi phí khấu hao TSCĐ	786.668.853	862.936.524
Thuế, phí và lệ phí	1.133.198.683	1.111.608.015
Chi phí dự phòng	4.372.896.453	2.522.008.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.518.215.282	1.463.325.937
Các khoản chi phí bằng tiền khác	3.154.651.010	3.550.877.425
Cộng	13.565.618.373	11.899.874.587

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	57.909.627.109	57.742.310.133
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế	4.885.051.444	3.028.001.050
Thu nhập chịu thuế	62.794.678.553	60.770.311.183
Thu nhập tính thuế	62.794.678.553	60.770.311.183
Thu nhập chịu thuế suất 10%	50.185.158.497	49.584.656.870
Thu nhập chịu thuế suất 20%	12.609.520.056	11.185.654.315
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.540.419.861	5.036.917.585
Chi phí thuế theo thuế suất 10%	5.018.515.850	4.958.465.687
Chi phí thuế theo thuế suất 20%	2.521.904.011	2.237.130.863
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị định 144/2020/NĐ-CP	-	(2.158.678.965)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.540.419.861	5.036.917.585

Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xã hội hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	(VND)	(Trình bày lại)
		(VND)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50.369.207.248	52.705.392.548
<i>Điều chỉnh</i>		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.354.679.156)	(9.607.443.563)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	42.014.528.092	43.097.948.985
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	9.490.841	9.490.841
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.427	4.541

Giá trị trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay là số tạm ước tính. Quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022 của Công ty quyết định chính thức.

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực cấp nước. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	(VND)	(VND)
Các khoản vay	91.604.981.765	106.749.226.793
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(6.205.808.164)	(9.249.199.930)
Nợ thuần	85.399.173.601	97.500.026.863
Vốn chủ sở hữu	212.396.464.132	195.456.638.933
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,40	0,50

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.205.808.164	9.249.199.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.838.191.444	29.512.503.245
Đầu tư tài chính ngắn hạn	164.000.000.000	160.012.400.000
Tổng cộng	202.043.999.608	198.774.103.175
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	91.604.981.765	106.749.226.793
Phải trả người bán và phải trả khác	54.789.807.099	73.760.408.792
Chi phí phải trả	5.896.491.714	8.617.333.836
Tổng cộng	152.291.280.578	189.126.969.421

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Các khoản vay của Công ty là các khoản vốn vay ODA với lãi suất ưu đãi. Công ty đánh giá rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này ở mức thấp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 đến 5 năm</u> VND	<u>Sau 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.205.808.164	-	-	6.205.808.164
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.838.191.444	-	-	31.838.191.444
Đầu tư tài chính ngắn hạn	164.000.000.000	-	-	164.000.000.000
Tổng cộng	202.043.999.608	-	-	202.043.999.608
Số cuối năm				
Các khoản vay	15.144.245.028	60.576.980.112	15.883.756.625	91.604.981.765
Phải trả người bán và phải trả khác	29.619.477.787	25.170.329.312	-	54.789.807.099
Chi phí phải trả	5.896.491.714	-	-	5.896.491.714
Tổng cộng	50.660.214.529	85.747.309.424	15.883.756.625	152.291.280.578
Chênh lệch thanh khoản thuần	151.383.785.079	(85.747.309.424)	(15.883.756.625)	49.752.719.030
Số đầu năm (Trình bày lại)				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.249.199.930	-	-	9.249.199.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.512.503.245	-	-	29.512.503.245
Đầu tư tài chính ngắn hạn	160.012.400.000	-	-	160.012.400.000
Tổng cộng	198.774.103.175	-	-	198.774.103.175
Số đầu năm (Trình bày lại)				
Các khoản vay	15.144.245.028	60.576.980.112	31.028.001.653	106.749.226.793
Phải trả người bán và phải trả khác	48.590.079.480	25.170.329.312	-	73.760.408.792
Chi phí phải trả	8.617.333.836	-	-	8.617.333.836
Tổng cộng	72.351.658.344	85.747.309.424	31.028.001.653	189.126.969.421
Chênh lệch thanh khoản thuần	126.422.444.831	(85.747.309.424)	(31.028.001.653)	9.647.133.754

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin rằng Công ty có thể tạo được luồng tiền phù hợp để thanh toán các nghĩa vụ nợ khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với các bên liên quan như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 19; trong năm, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận		
Trả cổ tức	12.351.387.500	12.351.387.500
Công ty TNHH XD và TM Sơn Long Thuận		
Trả cổ tức	10.056.215.000	10.056.215.000

Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc	1.384.706.457	1.125.192.700
Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng Quản trị	804.157.046	746.465.617
Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Ban kiểm soát	556.494.256	514.744.152
	<u>2.745.357.759</u>	<u>2.386.402.469</u>

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

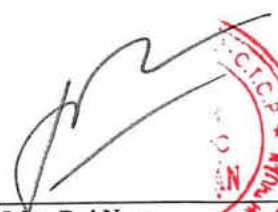
Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số chưa thanh toán tại ngày 31/12/2021 là 536.616.384 VND (tại ngày 31/12/2020 là 778.122.738 VND), tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia không bao gồm số lãi dự thu tại ngày 31/12/2021 là 3.351.191.782 VND (tại ngày 31/12/2020 là 3.924.811.510 VND), tiền thanh toán lãi vay không bao gồm số lãi trích trước tại ngày 31/12/2021 là 480.088.454 VND (tại ngày 31/12/2020 là 564.625.123 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu và



Đinh Ân
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 03 năm 2022


Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng


Lâm Đại Nam
Người lập biểu

